



ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: 15/2026/UBTVQH16

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 95/2025/UBTVQH15 ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với nội dung thẩm tra, thông qua văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và thẩm tra, phê chuẩn, quyết định việc gia nhập điều ước quốc tế, tổ chức quốc tế thuộc thẩm quyền của Quốc hội

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 449/TTr-UBPLTP16 ngày 03 tháng 7 năm 2026 và Báo cáo số 669/BC-UBPLTP16 ngày 30 tháng 7 năm 2026 của Thường trực Ủy ban Pháp luật và Tư pháp, Báo cáo số 499/BC-UBKTTTC16 ngày 08 tháng 7 năm 2026 và Báo cáo số 635/BC-UBKTTTC16 ngày 21 tháng 7 năm 2026 của Thường trực Ủy ban Kinh tế và Tài chính;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 95/2025/UBTVQH15 ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với nội dung thẩm tra, thông qua văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và thẩm tra, phê chuẩn, quyết định việc gia nhập điều ước quốc tế, tổ chức quốc tế thuộc thẩm quyền của Quốc hội

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 như sau:

“2. Việc thanh toán các khoản chi được thực hiện khoán chi theo kết quả của từng nhiệm vụ hoặc từng hoạt động nhưng không vượt quá tổng mức chi thẩm tra, thông qua văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, văn bản phê chuẩn, quyết định việc gia nhập điều ước quốc tế, tổ chức quốc tế thuộc thẩm quyền của Quốc hội quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 197/2025/QH15. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định thay đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt nhiệm vụ lập pháp thì nội dung nhiệm vụ, hoạt động đã thực hiện theo đúng quy định trước thời điểm cơ quan có thẩm quyền ra quyết định vẫn được thanh, quyết toán theo sản phẩm là kết quả của từng nhiệm vụ hoặc từng hoạt động đã thực hiện, tương ứng với nội dung chi, định mức chi quy định tại các Phụ lục 1, 2 và 3 ban hành kèm theo Nghị quyết này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 3 như sau:

“3. Hằng năm, căn cứ vào Kế hoạch triển khai Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội, Chương trình lập pháp, Chương trình công tác của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, phân công của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục phân bổ kinh phí thẩm tra, thông qua văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và thẩm tra, phê chuẩn, quyết định gia nhập điều ước quốc tế, tổ chức quốc tế quy định tại Phụ lục 4 và Phụ lục 5 ban hành kèm theo Nghị quyết này, các cơ quan xây dựng dự toán gửi Văn phòng Quốc hội để tổng hợp. Việc lập, phân bổ dự toán và thanh toán theo phương thức khoán chi được thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15.

Trường hợp dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết được đưa vào Chương trình lập pháp, chương trình kỳ họp Quốc hội, chương trình công tác của Ủy ban Thường vụ Quốc hội mà chưa có dự toán thì Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội chỉ đạo việc lập bổ sung dự toán và phân bổ cho các cơ quan để thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội được giao thực hiện nhiệm vụ, hoạt động quy định tại các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này có trách nhiệm sau đây:

a) Căn cứ định mức khoán chi quy định tại các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này, quyết định việc chi trả kinh phí cho người thực hiện nhiệm vụ, hoạt động bảo đảm tương xứng với mức độ quan trọng, phức tạp của nhiệm vụ, hoạt động và đáp ứng yêu cầu thực tế trong thực hiện nhiệm vụ, hoạt động, bao gồm:

a1) Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, các trợ lý, thư ký Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội được quy định tại các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Đối với cơ quan tham gia về tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật, ngoài thực hiện quy định tại điểm này, còn thực hiện việc chỉ đối với các đồng chí trong Ban Thường vụ Đảng ủy Quốc hội;

a2) Các đại biểu Quốc hội là Thường trực Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội; Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động kiêm nhiệm tại Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội thẩm tra dự án;

a3) Công chức thuộc vụ chuyên môn của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội;

a4) Chuyên gia tham gia nhiệm vụ, hoạt động thẩm tra, thông qua văn bản quy phạm pháp luật;

b) Tuân thủ quy định về giám sát, kiểm tra, kiểm toán; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; chịu trách nhiệm đánh giá và quyết định về sản phẩm hoàn thành theo phạm vi nhiệm vụ, hoạt động được giao;

c) Trong trường hợp cần thiết, xem xét, quyết định việc ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện chế độ chi trong cơ quan phù hợp với Nghị quyết này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Quyết định việc sử dụng khoản kinh phí còn dư sau khi đã chi cho các nhiệm vụ, hoạt động theo định mức quy định tại các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này để chi cho các nhiệm vụ, hoạt động thẩm tra, thông qua dự án khác mà định mức phân bổ không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

2. Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội có trách nhiệm sau đây:

a) Căn cứ định mức khoán chi quy định tại các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này, quyết định việc chi trả kinh phí cho người thực hiện nhiệm vụ, hoạt động, bao gồm:

a1) Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Phó Bí thư chuyên trách Đảng ủy Quốc hội, các trợ lý, thư ký Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội;

a2) Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, công chức, viên chức, người lao động thuộc Văn phòng Quốc hội, cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Quốc hội;

b) Căn cứ tổng kinh phí phân bổ cho các Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân và số lượng công chức, người lao động phục vụ hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội, quyết định mức phân bổ cụ thể cho từng Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân bảo đảm cân đối, hài hòa, sử dụng hiệu quả khoản kinh phí được phân bổ;

c) Thực hiện quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này.

3. Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội có trách nhiệm sau đây:

a) Căn cứ định mức khoán chi quy định tại các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này và số kinh phí được phân bổ, quyết định việc chi trả kinh phí cho người thực hiện nhiệm vụ, hoạt động, bao gồm:

a1) Đại biểu Quốc hội (không bao gồm đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ở Trung ương);

a2) Công chức, người lao động phục vụ hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân bảo đảm tương xứng với mức độ quan trọng, phức tạp của nhiệm vụ, hoạt động và đáp ứng yêu cầu thực tế trong thực hiện nhiệm vụ, hoạt động;

b) Thực hiện quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này.”.

Điều 2. Thay thế các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 95/2025/UBTVQH15

Thay thế các Phụ lục 1, 2, 3, 4 và 5 ban hành kèm theo Nghị quyết số 95/2025/UBTVQH15 bằng các Phụ lục 1, 2, 3, 4 và 5 tương ứng được ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 8 năm 2026.

Trường hợp nhiệm vụ, hoạt động được thực hiện trước ngày 03 tháng 8 năm 2026 nhưng vẫn bản quy phạm pháp luật, văn bản phê chuẩn, quyết định việc gia nhập điều ước quốc tế, tổ chức quốc tế được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua từ ngày 03 tháng 8 năm 2026 thì việc chi cho nhiệm vụ, hoạt động được thực hiện theo quy định của Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XVI thông qua ngày 03 tháng 8 năm 2026.

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Mẫn



Phụ lục 1
DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI TRONG THẨM TRA, THÔNG QUA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA QUỐC HỘI; THẨM TRA, PHÊ CHUẨN, QUYẾT ĐỊNH GIA NHẬP ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ, TỔ CHỨC QUỐC TẾ
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2026/UBTVQH16 ngày 08/8/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)

STT	Nội dung nhiệm vụ, hoạt động	Định mức (triệu đồng)								
		Bộ luật mới; bộ luật thay thế bộ luật hiện hành	Luật mới; luật thay thế luật hiện hành	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách)	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật có nội dung hạn chế quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (không phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách), luật hiện hành	Nghị quyết thi điểm của Quốc hội	Nghị quyết của Quốc hội	Nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết hiện hành	Điều ước quốc tế
I	Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết định chi:	1.144,2	931,6	577,2	557,3	353,2	445,0	312,2	207,7	135,6
1	Xây dựng Báo cáo thẩm tra trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội (gồm: soạn thảo, xin ý kiến, tổng hợp ý kiến, thuê chuyên gia)	263,0	157,0	122,0	117,0	78,0	112,0	57,0	37,0	35,0
2	Xây dựng dự thảo kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về dự án trước khi trình Quốc hội	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0	3,0	2,0
3	Báo cáo chủ trương lấy ý kiến Nhân dân	10,0	10,0	10,0	10,0					
4	Xây dựng báo cáo phục vụ hội nghị đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách (gồm: soạn thảo, xin ý kiến, tổng hợp ý kiến)	73,0	70,0	45,0	42,0	38,0	40,0	38,0	-	-
5	Nội dung báo cáo, xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền	5,0	3,0	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	-
6	Xây dựng Báo cáo thẩm tra trình Quốc hội (gồm: soạn thảo, xin ý kiến, tổng hợp ý kiến, thuê chuyên gia)	253,5	194,4	148,6	154,9	83,0	103,0	66,0	61,7	54,6

STT	Nội dung nhiệm vụ, hoạt động	Định mức (triệu đồng)								
		Bộ luật mới; bộ luật thay thế bộ luật hiện hành	Luật mới; luật thay thế luật hiện hành	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách)	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật có nội dung hạn chế quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (không phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách), luật hiện hành	Nghị quyết thí điểm của Quốc hội	Nghị quyết của Quốc hội	Nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết hiện hành	Điều ước quốc tế
7	Hoạt động của Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động kiêm nhiệm tại Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội thẩm tra dự án	72,0	72,0	38,4	33,6	14,4	19,2	14,4	9,6	9,6
8	Tổng hợp ý kiến đại biểu Quốc hội:									
	- Thảo luận ở Tổ	20,0	20,0	10,0	10,0	10,0	10,0	8,0	5,0	5,0
	- Thảo luận tại Hội trường	10,0	10,0	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0	3,0	3,0
9	Xây dựng Báo cáo ý kiến về nội dung cơ quan trình dự kiến tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo văn bản trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội/báo cáo tiếp thu, chỉnh lý đối với điều ước quốc tế (gồm: soạn thảo, xin ý kiến)	103,0	99,0	74,0	70,0	37,0	41,0	37,0	33,0	12,0
10	Xây dựng dự thảo kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về việc tiếp thu, chỉnh lý dự thảo văn bản	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0	3,0	2,0
11	Phối hợp nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo văn bản theo ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội/nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý đối với điều ước quốc tế	200,0	180,0	45,0	40,0	30,0	55,0	30,0	25,0	7,0

STT	Nội dung nhiệm vụ, hoạt động	Định mức (triệu đồng)								
		Bộ luật mới; bộ luật thay thế bộ luật hiện hành	Luật mới; luật thay thế luật hiện hành	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách)	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật có nội dung hạn chế quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (không phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách), luật hiện hành	Nghị quyết thi điểm của Quốc hội	Nghị quyết của Quốc hội	Nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết hiện hành	Điều ước quốc tế
12	Lấy ý kiến biểu quyết của đại biểu Quốc hội về các vấn đề quan trọng, vấn đề lớn (soạn thảo báo cáo/phiếu xin ý kiến; tổng hợp kết quả biểu quyết)	31,0	28,0	22,0	20,0	15,0	17,0	14,0	-	-
13	Phối hợp rà soát, hoàn thiện ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản trước khi thông qua	40,0	30,0	15,0	15,0	10,0	10,0	10,0	10,0	-
14	Phối hợp rà soát, hoàn thiện ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản sau khi thông qua	22,5	20,6	8,3	8,3	5,5	5,5	5,5	5,5	
15	Hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu của Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách nội dung và Trợ ký, Thư ký của các đồng chí đối với việc: (1) xây dựng dự thảo kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về dự án trước khi trình Quốc hội, (2) xây dựng dự thảo kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về việc tiếp thu, chỉnh lý dự thảo văn bản; (3) tài liệu trình Hội nghị đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách; (4) lấy ý kiến biểu quyết của đại biểu Quốc hội về các vấn đề quan trọng, vấn đề lớn. Riêng đối với Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều và Điều ước quốc tế không có nội dung (3) và (4).	13,2	13,2	13,2	10,8	10,8	10,8	10,8	5,4	5,4



STT	Nội dung nhiệm vụ, hoạt động	Định mức (triệu đồng)								
		Bộ luật mới; bộ luật thay thế bộ luật hiện hành	Luật mới; luật thay thế luật hiện hành	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách)	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật có nội dung hạn chế quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (không phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách), luật hiện hành	Nghị quyết thí điểm của Quốc hội	Nghị quyết của Quốc hội	Nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết hiện hành	Điều ước quốc tế
16	Hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu của Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách xây dựng pháp luật, Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách nội dung văn bản và Trợ ký, Thư ký của các đồng chí; Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật và Tư pháp; Chủ nhiệm cơ quan chủ trì thẩm tra; Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội đối với việc hoàn thiện văn bản, trình Chủ tịch Quốc hội ký chứng thực/ký ban hành	18,0	14,4	8,7	8,7	4,5	4,5	4,5	4,5	-
II	Cơ quan tham gia thẩm tra (07 cơ quan) quyết định chi:	1.302,0	1.127,0	609,0	567,0	455,0	553,0	462,0	210,0	112,0
1	Xây dựng Báo cáo tham gia thẩm tra trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội (gồm: soạn thảo, xin ý kiến, tổng hợp ý kiến, thuê chuyên gia)	550,0	462,0	287,0	266,0	231,0	252,0	231,0	210,0	112,0
2	Xây dựng Báo cáo tham gia thẩm tra trình Quốc hội (gồm: soạn thảo, xin ý kiến, tổng hợp ý kiến, thuê chuyên gia)	542,0	455,0	280,0	266,0	224,0	245,0	231,0	-	-
3	Phối hợp nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và chính lý dự thảo văn bản theo ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội	210,0	210,0	42,0	35,0	-	56,0	-	-	-

STT	Nội dung nhiệm vụ, hoạt động	Định mức (triệu đồng)								
		Bộ luật mới; bộ luật thay thế bộ luật hiện hành	Luật mới; luật thay thế luật hiện hành	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách)	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật có nội dung hạn chế quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (không phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách), luật hiện hành	Nghị quyết thí điểm của Quốc hội	Nghị quyết của Quốc hội	Nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết hiện hành	Điều ước quốc tế
III	Cơ quan tham gia về tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật quyết định chi:	99,1	87,1	36,1	34,1	30,1	37,1	30,1	28,1	-
1	Phối hợp bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật trong quá trình thẩm tra, thông qua văn bản quy phạm pháp luật (bao gồm cả hoạt động rà soát, hoàn thiện ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản sau khi thông qua)	83,0	73,0	23,0	21,0	17,0	24,0	17,0	15,0	
2	Tổng hợp, xây dựng Báo cáo của Đảng ủy Quốc hội báo cáo cơ quan có thẩm quyền	5,0	3,0	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	-
3	Hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu của Ban Thường vụ Đảng ủy Quốc hội; Trợ lý, Thư ký của Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội đối với việc xây dựng Báo cáo của Đảng ủy Quốc hội	11,1	11,1	11,1	11,1	11,1	11,1	11,1	11,1	-
IV	Văn phòng Quốc hội quyết định chi:									
IV.1	Cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu (không bao gồm nội dung tại các I.15, I.16 và III.3):	113,5	97,1	48,0	48,0	24,4	30,5	24,4	19,2	19,2

STT	Nội dung nhiệm vụ, hoạt động	Định mức (triệu đồng)								
		Bộ luật mới; bộ luật thay thế bộ luật hiện hành	Luật mới; luật thay thế luật hiện hành	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách)	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật có nội dung hạn chế quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (không phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách), luật hiện hành	Nghị quyết thí điểm của Quốc hội	Nghị quyết của Quốc hội	Nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết hiện hành	Điều ước quốc tế
1	Hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo chung của Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội; Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội; Phó Bí thư chuyên trách Đảng ủy Quốc hội	54,0	49,5	22,5	22,5	10,8	13,5	10,8	9,0	9,0
2	Hoạt động tham mưu chung của Trợ lý, Thư ký của Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội	59,5	47,6	25,5	25,5	13,6	17,0	13,6	10,2	10,2
IV.2	Văn phòng Quốc hội và cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Quốc hội (gồm cả nhiệm vụ công bố nghị quyết và nội dung khác)	720,0	686,0	384,0	333,0	152,0	174,0	146,0	135,0	63,0
V	Đoàn đại biểu Quốc hội quyết định chi:									
V.1	Đại biểu Quốc hội (không bao gồm đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ở Trung ương)	421,2	421,2	245,7	210,6	105,3	140,4	105,3	-	70,2
V.2	Bộ phận phục vụ hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân	400,0	400,0	200,0	200,0	80,0	120,0	120,0	-	-
Tổng cộng		4.200,0	3.750,0	2.100,0	1.950,0	1.200,0	1.500,0	1.200,0	600,0	400,0

Phụ lục 2
DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI TRONG THẨM TRA, THÔNG QUA
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2026/UBTVQH-16 ngày 15/8/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)

STT	Nội dung nhiệm vụ, hoạt động	Định mức (triệu đồng)		
		Pháp lệnh mới; pháp lệnh thay thế pháp lệnh hiện hành	Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của pháp lệnh hiện hành	Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
I	Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết định chi:	365,3	167,5	168,5
1	Xây dựng Báo cáo thẩm tra trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội (gồm: soạn thảo, xin ý kiến, tổng hợp ý kiến, thuê chuyên gia)	182,4	83,8	89,8
2	Hoạt động của Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động kiêm nhiệm tại Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội thẩm tra dự án	14,4	9,6	9,6
3	Xây dựng dự thảo kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội	5,0	5,0	5,0
4	Phối hợp nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo văn bản theo ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội	30,0	10,0	7,0
5	Xây dựng Báo cáo ý kiến của cơ quan chủ trì thẩm tra về nội dung cơ quan trình dự kiến tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo	80,0	37,0	37,0
6	Xây dựng dự thảo kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khi thông qua dự án	5,0	5,0	5,0
7	Nội dung báo cáo, xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền	2,0	-	-
8	Phối hợp rà soát, hoàn thiện ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản trước khi thông qua	20,0	5,0	5,0
9	Phối hợp rà soát, hoàn thiện ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản sau khi thông qua	7,0	4,0	2,0

STT	Nội dung nhiệm vụ, hoạt động	Định mức (triệu đồng)		
		Pháp lệnh mới; pháp lệnh thay thế pháp lệnh hiện hành	Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của pháp lệnh hiện hành	Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
10	Hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu của Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách nội dung văn bản và Trợ ký, Thư ký của các đồng chí đối với việc: (1) xây dựng dự thảo kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khi cho ý kiến đối với dự án; (2) xây dựng dự thảo kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khi thông qua dự án	10,8	5,4	5,4
11	Hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu của Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách xây dựng pháp luật, Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách nội dung văn bản và Trợ ký, Thư ký của các đồng chí; Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật và Tư pháp; Chủ nhiệm cơ quan chủ trì thẩm tra; Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội đối với việc hoàn thiện văn bản, trình Chủ tịch Quốc hội ký chứng thực/ ký ban hành	8,7	2,7	2,7
II	Cơ quan tham gia thẩm tra (07 cơ quan) quyết định chi:	378,0	231,0	231,0
1	Xây dựng Báo cáo tham gia thẩm tra trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội (gồm: soạn thảo, xin ý kiến)	336,0	231,0	231,0
2	Phối hợp nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo văn bản theo ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội	42,0	-	-
III	Cơ quan tham gia về tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật quyết định chi:	27,1	3,0	2,0
1	Phối hợp bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật trong quá trình thẩm tra, thông qua văn bản quy phạm pháp luật (bao gồm cả hoạt động rà soát, hoàn thiện ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản sau khi thông qua)	14,0	3,0	2,0

STT	Nội dung nhiệm vụ, hoạt động	Định mức (triệu đồng)		
		Pháp lệnh mới; pháp lệnh thay thế pháp lệnh hiện hành	Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của pháp lệnh hiện hành	Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
2	Tổng hợp, xây dựng Báo cáo của Đảng ủy Quốc hội báo cáo cơ quan có thẩm quyền	2,0	-	-
3	Hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu của Ban Thường vụ Đảng ủy Quốc hội; Trợ lý, Thư ký của Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội đối với việc xây dựng Báo cáo của Đảng ủy Quốc hội	11,1	-	-
IV	Văn phòng Quốc hội quyết định chi:			
IV.1	Đối với cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu (không bao gồm các nội dung tại mục I.10, mục I.11 và III.3)	83,6	52,5	52,5
1	Hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo chung của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Quốc hội; Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội; Phó Bí thư chuyên trách Đảng ủy Quốc hội	36,0	27,0	27,0
2	Hoạt động tham mưu chung của Trợ lý, Thư ký của Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội	47,6	25,5	25,5
IV.2	Đối với Văn phòng Quốc hội và cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Quốc hội (gồm cả nhiệm vụ công bố nghị quyết và nội dung khác)	346,0	146,0	146,0
Tổng cộng		1.200,0	600,0	600,0



Phụ lục 3

MỨC CHI TỐI ĐA ĐỐI VỚI SẢN PHẨM, CÔNG VIỆC GÁN VỚI NGƯỜI THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG TRONG THẨM TRA, THÔNG QUA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT; THẨM TRA, PHÊ CHUẨN, QUYẾT ĐỊNH GIA NHẬP ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ, TỔ CHỨC QUỐC TẾ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2026/UBTVQH16 ngày 03/8/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)

STT	Sản phẩm, công việc	ĐVT	Mức chi tối đa (triệu đồng)											
			Bộ luật mới; bộ luật thay thế bộ luật hiện hành	Luật mới; luật thay thế luật hiện hành	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách)	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật có nội dung hạn chế quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (không phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách), luật hiện hành	Nghị quyết thi điểm của Quốc hội	Nghị quyết của Quốc hội	Nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết hiện hành	Điều ước quốc tế	Pháp lệnh mới; pháp lệnh thay thế pháp lệnh hiện hành	Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của pháp lệnh hiện hành	Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
1	Soạn thảo Báo cáo thẩm tra	Báo cáo	35,0	30,0	30,0	25,0	15,0	20,0	15,0	10	8	20	15	15
2	Soạn thảo Báo cáo tham gia thẩm tra:													
	- Của Thường trực Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội (trừ Ủy ban Pháp luật và Tư pháp) (50% báo cáo thẩm tra)	Báo cáo	17,5	15,0	15,0	12,5	7,5	10,0	7,5	5,0	4,0	10,0	7,5	7,5
	- Của Thường trực Ủy ban Pháp luật và Tư pháp, trong đó có nội dung về việc bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật (70% báo cáo thẩm tra)	Báo cáo	24,5	21,0	21,0	17,5	10,5	14,0	10,5	7,0	5,6	14,0	10,5	10,5
3	Soạn thảo Báo cáo một số vấn đề lớn về dự án trình Hội nghị đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách (50% báo cáo thẩm tra)	Báo cáo	17,5	15,0	15,0	12,5	7,5	10,0	7,5	5,0	4,0	10,0	7,5	7,5

STT	Sản phẩm, công việc	ĐVT	Mức chi tối đa (triệu đồng)											
			Bộ luật mới; bộ luật thay thế bộ luật hiện hành	Luật mới; luật thay thế luật hiện hành	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách)	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật có nội dung hạn chế quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (không phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách), luật hiện hành	Nghị quyết thi điểm của Quốc hội	Nghị quyết của Quốc hội	Nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết hiện hành	Điều ước quốc tế	Pháp lệnh mới; pháp lệnh thay thế pháp lệnh hiện hành	Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của pháp lệnh hiện hành	Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
4	Soạn thảo Báo cáo ý kiến về nội dung cơ quan trình dự kiến tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo văn bản (80% báo cáo thẩm tra)	Báo cáo	28,0	24,0	24,0	20,0	12,0	16,0	12,0	8,0	6,4	16,0	12,0	12,0
5	Soạn thảo Báo cáo những vấn đề quan trọng, vấn đề lớn của dự án còn có ý kiến khác nhau trình Quốc hội biểu quyết (50% báo cáo thẩm tra)	Báo cáo	17,5	15,0	15,0	12,5	7,5	10,0	7,5	5,0	4,0	10,0	7,5	7,5
6	Xin ý kiến dự thảo kết luận, tài liệu tại phiên họp/cuộc họp, cuộc làm việc, việc lấy ý kiến biểu quyết:													
a	Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách nội dung	Lần/người	0,6	0,6	0,6	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3	0,6	0,3	0,3
b	Trợ lý, thư ký	Lần/người	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3	0,6	0,3	0,3
7	Xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy Quốc hội:													
a	Các đồng chí trong Ban Thường vụ Đảng ủy Quốc hội	Người	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3		0,3		
b	Trợ lý, thư ký của Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội	Người	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3		0,3		

STT	Sản phẩm, công việc	ĐVT	Mức chi tối đa (triệu đồng)											
			Bộ luật mới; bộ luật thay thế bộ luật hiện hành	Luật mới; luật thay thế luật hiện hành	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách)	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật có nội dung hạn chế quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (không phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách), luật hiện hành	Nghị quyết thi điểm của Quốc hội	Nghị quyết của Quốc hội	Nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết hiện hành	Điều ước quốc tế	Pháp lệnh mới; pháp lệnh thay thế pháp lệnh hiện hành	Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của pháp lệnh hiện hành	Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
8	Xin ý kiến văn bản trước trình Chủ tịch Quốc hội ký chứng thực/ký ban hành:													
a	Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách xây dựng pháp luật, Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách nội dung, Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật và Tư pháp, Chủ nhiệm Cơ quan chủ trì thẩm tra, Tổng Thư ký Quốc hội	Người	1,5	1,2	0,7	0,7	0,3	0,3	0,3	0,3		0,7	0,3	0,3
b	Trợ lý, thư ký của Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách xây dựng pháp luật, Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách nội dung	Người	1	0,8	0,5	0,5	0,3	0,3	0,3	0,3		0,5	0,1	0,1
9	Xin ý kiến dự thảo báo cáo thẩm tra, báo cáo tham gia thẩm tra, báo cáo trình tại hội nghị đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách, báo cáo về nội dung cơ quan trình dự kiến tiếp thu, giải trình, chỉnh lý, dự thảo kết luận	Người	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5
10	Hoạt động của Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động kiêm nhiệm tại Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội thẩm tra dự án	Người	1,5	1,5	0,8	0,7	0,3	0,4	0,3	0,2	0,2	0,3	0,2	0,2
11	Thuê chuyên gia	Người	10,0	10,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	-	-	10,0	-	-

STT	Sản phẩm, công việc	DVT	Mức chi tối đa (triệu đồng)											
			Bộ luật mới; bộ luật thay thế bộ luật hiện hành	Luật mới; luật thay thế luật hiện hành	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách)	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật có nội dung hạn chế quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (không phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách), luật hiện hành	Nghị quyết thi điểm của Quốc hội	Nghị quyết của Quốc hội	Nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết hiện hành	Điều ước quốc tế	Pháp lệnh mới; pháp lệnh thay thế pháp lệnh hiện hành	Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của pháp lệnh hiện hành	Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
12	Nội dung báo cáo, xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền về dự thảo văn bản của cơ quan chủ trì thẩm tra	Văn bản	5,0	3,0	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	-	2,0	-	-
13	Tổng hợp, xây dựng Báo cáo của Đảng ủy Quốc hội báo cáo cơ quan có thẩm quyền	Văn bản	5,0	3,0	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	-	2,0	-	-
14	Hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu chung:													
a	Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Bí thư chuyên trách Đảng ủy Quốc hội	Người	6,0	5,5	2,5	2,5	1,2	1,5	1,2	1,0	1,0	4,0	3,0	3,0
b	Trợ lý, Thư ký Chủ tịch, Phó Chủ tịch Quốc hội	Người	3,5	2,8	1,5	1,5	0,8	1,0	0,8	0,6	0,6	2,8	1,5	1,5
11	Hoạt động của Văn phòng Quốc hội, cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Quốc hội	Người	1,45	1,44	0,76	0,67	0,38	0,38	0,35	0,30	0,19	1,00	0,40	0,40
12	Hoạt động của đại biểu Quốc hội (không bao gồm đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ở Trung ương)	Người	1,2	1,2	0,7	0,6	0,3	0,4	0,3	-	0,2	-	-	-
13	Hoạt động của bộ phận phục vụ hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân	Người	1,0	1,0	0,5	0,5	0,2	0,3	0,3	-	-	-	-	-

Phụ lục 4
DANH MỤC PHÂN BỐ KINH PHÍ THẨM TRA, THÔNG QUA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA QUỐC HỘI;
THẨM TRA, PHÊ CHUẨN, QUYẾT ĐỊNH GIA NHẬP BIỂU QUỐC QUỐC TẾ, TỔ CHỨC QUỐC TẾ
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2026/QH16 ngày 03/8/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Loại văn bản	Tổng	Trong đó:										
			Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết định chi			Cơ quan tham gia thẩm tra quyết định chi		Cơ quan tham gia về tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật quyết định chi		Văn phòng Quốc hội quyết định chi		Đoàn đại biểu Quốc hội quyết định chi	
			Cơ quan chủ trì thẩm tra	Cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu	Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động kiêm nhiệm tại Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội	01 Cơ quan	Tổng (07 cơ quan)	Cơ quan tham gia về tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật	Cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu	Cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu	Văn phòng Quốc hội và cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Quốc hội	Đại biểu Quốc hội (không bao gồm đại biểu Quốc hội chuyên trách ở Trung ương)	Bộ phận phục vụ hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân (34 cơ quan)
1	Bộ luật mới; bộ luật thay thế bộ luật hiện hành:	4.200,0											
	- Tỷ lệ phần trăm (%)	100,00	24,79	0,74	1,71	4,43	31,00	2,10	0,26	2,70	17,14	10,03	9,52
	- Định mức phân bổ	4.200,0	1.041,0	31,2	72,0	186,0	1.302,0	88,0	11,1	113,5	720,0	421,2	400,0
2	Luật mới; luật thay thế luật hiện hành:	3.750,0											
	- Tỷ lệ phần trăm (%)	100,00	22,19	0,74	1,92	4,29	30,05	2,03	0,30	2,59	18,29	11,23	10,67
	- Định mức phân bổ	3.750,0	832,0	27,6	72,0	161,0	1.127,0	76,0	11,1	97,1	686,0	421,2	400,0
3	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách):	2.100,0											
	- Tỷ lệ phần trăm (%)	100,00	24,61	1,04	1,83	4,14	29,00	1,19	0,53	2,29	18,29	11,70	9,52
	- Định mức phân bổ	2.100,0	516,9	21,9	38,4	87,0	609,0	25,0	11,1	48,0	384,0	245,7	200,0
4	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật có nội dung hạn chế quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp:	1.950,0											
	- Tỷ lệ phần trăm (%)	100,00	25,86	1,00	1,72	4,15	29,08	1,18	0,57	2,46	17,08	10,80	10,26
	- Định mức phân bổ	1.950,0	504,20	19,50	33,60	81,00	567,00	23,00	11,10	48,00	333,00	210,60	200,00

STT	Loại văn bản	Tổng	Trong đó:										
			Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết định chi			Cơ quan tham gia thẩm tra quyết định chi		Cơ quan tham gia về tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật quyết định chi		Văn phòng Quốc hội quyết định chi		Đoàn đại biểu Quốc hội quyết định chi	
			Cơ quan chủ trì thẩm tra	Cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu	Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động kiêm nhiệm tại Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội	01 Cơ quan	Tổng (07 cơ quan)	Cơ quan tham gia về tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật	Cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu	Cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu	Văn phòng Quốc hội và cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Quốc hội	Đại biểu Quốc hội (không bao gồm đại biểu Quốc hội chuyên trách ở Trung ương)	Bộ phận phục vụ hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân (34 cơ quan)
5	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (không phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách), luật hiện hành:	1.200,0											
	- Tỷ lệ phần trăm (%)	100,00	26,96	1,28	1,20	5,42	37,92	1,58	0,93	2,03	12,67	8,78	6,67
	- Định mức phân bổ	1.200,0	323,5	15,3	14,4	65,0	455,0	19,0	11,1	24,4	152,0	105,3	80,0
6	Nghị quyết thi điểm của Quốc hội:	1.500,0											
	- Tỷ lệ phần trăm (%)	100,00	27,37	1,02	1,28	5,27	36,87	1,73	0,74	2,03	11,60	9,36	8,00
	- Định mức phân bổ	1.500,0	410,50	15,30	19,20	79,00	553,00	26,00	11,10	30,50	174,00	140,40	120,00
7	Nghị quyết của Quốc hội:	1.200,0											
	- Tỷ lệ phần trăm (%)	100,00	23,54	1,28	1,20	5,50	38,50	1,58	0,93	2,03	12,17	8,78	10,00
	- Định mức phân bổ	1.200,0	282,5	15,3	14,4	66,0	462,0	19,0	11,1	24,4	146,0	105,3	120,0
8	Nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết hiện hành:	600,0											
	- Tỷ lệ phần trăm (%)	100,00	31,37	1,65	1,60	5,00	35,00	2,83	1,85	3,20	22,50	-	-
	- Định mức phân bổ	600,0	188,2	9,9	9,6	30,0	210,0	17,0	11,1	19,2	135,0	-	-
9	Điều ước quốc tế:	400,0											
	- Tỷ lệ phần trăm (%)	100,00	30,15	1,35	2,40	4,00	28,00	-	-	4,80	15,75	17,55	-
	- Định mức phân bổ	400,0	120,6	5,4	9,6	16,0	112,0	-	-	19,2	63,0	70,2	-

Phụ lục 5
DANH MỤC PHÂN BỐ KINH PHÍ THAM TRA, THÔNG QUA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2026/UBTVQH16 ngày 05/8/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Loại văn bản	Tổng	Trong đó:								
			Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết định chi			Cơ quan tham gia thẩm tra quyết định chi		Cơ quan tham gia về tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật quyết định chi		Văn phòng Quốc hội quyết định chi	
			Cơ quan chủ trì thẩm tra	Cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu	Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động kiêm nhiệm tại Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội	01 Cơ quan	Tổng (07 cơ quan)	Cơ quan tham gia về tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật	Cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu	Cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu	Văn phòng Quốc hội và cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Quốc hội
1	Pháp lệnh mới; pháp lệnh thay thế pháp lệnh hiện hành:	1.200,0									
	- Tỷ lệ phần trăm (%)	100,00	27,62	1,63	1,20	4,50	31,50	1,33	0,93	6,97	28,83
	- Định mức phân bổ	1.200,0	331,4	19,5	14,4	54,0	378,0	16,0	11,1	83,6	346,0
2	Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của pháp lệnh hiện hành:	600,0									
	- Tỷ lệ phần trăm (%)	100,00	24,97	1,35	1,60	5,50	38,50	0,50	-	8,75	24,33
	- Định mức phân bổ	600,0	149,8	8,1	9,6	33,00	231,0	3,0	-	52,5	146,0
3	Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:	600,0									
	- Tỷ lệ phần trăm (%)	100,00	25,13	1,35	1,60	5,50	38,50	0,33	-	8,75	24,33
	- Định mức phân bổ	600,0	150,8	8,1	9,6	33,0	231,0	2,0	-	52,5	146,0
4	Nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:	600,0									
	- Tỷ lệ phần trăm (%)	100,00	25,13	1,35	1,60	5,50	38,50	0,33	-	8,75	24,33
	- Định mức phân bổ	600,0	150,8	8,1	9,6	33,0	231,0	2,0	-	52,5	146,0